

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim H**, sinh năm 1996

HKTT: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: F, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Quang T tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với nhau tại gia đình anh T tại ấp D, xã G, huyện T đến tháng 8 năm 2020 thì ba mẹ mua cho căn nhà ra để riêng. Cuộc sống

chung vợ chồng sau khi kết hôn không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Anh T1 thường bỏ nhà đi chơi qua đêm, không lo lắng, quan tâm đến gia đình. Sự việc này diễn ra nhiều lần, chị H đã góp ý cho anh T1 thay đổi nhưng anh T1 vẫn không thay đổi. Mặt khác sau khi vợ chồng về sống chung thì anh T1 thay đổi tính tình, không còn yêu thương vợ con, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T1 chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị H. Do chị H và gia đình anh T1 không hợp nhau, anh T1 thường nghe lời gia đình trách móc, không tôn trọng chị H.

Do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không hàn gắn được nên tháng 12 năm 2021 chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T1 nhưng do suy nghĩ mong muốn vợ chồng đoàn tụ về nuôi dạy con chung nên chị H đã rút đơn. Tuy nhiên sau khi về sống chung thì anh T1 vẫn chứng nào tật đấy, mâu thuẫn vẫn tiếp tục xảy ra và trầm trọng từ cuối năm 2023 đến nay, anh T1 không lo làm ăn mà thường đi chơi với bạn bè. Đến tháng 7 năm 2024 thì chị H và con đã chuyển về nhà cha mẹ để sống. Kể từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai nấy làm.

Nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/3/2019. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Hiện nay nghề nghiệp của chị H làm công nhân, thu nhập mỗi tháng 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bi đơn – anh Nguyễn Quang T trình bày:

Anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Kim H tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đông Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2017. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh T.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T được khoảng 2 năm thì bố mẹ anh T mua nhà cho vợ chồng ở riêng cho đến nay. Cuộc sống chung vợ chồng mâu thuẫn xảy ra từ năm 2022, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Chị H không tôn trọng ý kiến của anh T mà mọi việc trong gia đình chị H tự quyết.

Mỗi lần chị H giận rất lâu và thường nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tháng 01/2022 chị H đã làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó vợ chồng về đoàn tụ nên chị H rút đơn khởi kiện. Sau khi chị H rút đơn khởi kiện thì vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra gần nhất khoảng tháng 4 năm 2024 khi chị H đang dạy con học bài nên có chửi con to tiếng nên con khóc và anh T có quay clip lại để mục đích đưa cho chị H xem để thay đổi tính tình nhưng chị H lại nghĩ anh T quay clip gửi cho hai bên gia đình nên sau đó một tháng thì chị H và con đã dọn đồ đạc bỏ vào nhà cha mẹ để sống. Sau khi chị H bỏ về nhà cha mẹ để thì anh T có lên xin lỗi nhưng chị H không đồng ý gặp nên không bàn bạc đoàn tụ.

Nay chị H yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý do anh T còn thương vợ con nên mong muốn Tòa án hòa giải đoàn tụ, mặt khác do anh T theo đạo tôn giáo nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên đến nay anh T xác định không còn biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/3/2019. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Nghề nghiệp của anh T1 làm công nhân thu nhập mỗi tháng là từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Quang T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Quang T được ly hôn.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/3/20219 cho chị Nguyễn Kim H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tú có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Quang T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/9/2017, căn cứ Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, Chị H và anh T đã không sống chung nhà từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, vợ chồng không còn chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; lời khai này phù hợp với lời khai của chị H và anh T có trong hồ sơ vụ án. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu đoàn tụ của bị đơn: Anh Tú thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và anh mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T cũng khẳng định không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H không đồng ý hàn gắn tình cảm với anh T. Do đó, yêu cầu của anh T là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/3/2019.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hiện con chung đang sống với chị H và chị H đảm bảo điều kiện chăm sóc cho con chung. Đồng thời chị H và anh T cũng thống nhất ý kiến trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì tiếp tục giao con chung chị H nuôi dưỡng.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về việc nuôi dưỡng con chung nhằm đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, vì vậy việc giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Anh Tú đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng) nên cần ghi nhận.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh T đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] **Về án phí**: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân giai đình sơ thẩm theo quy định. Anh Tú phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] **Về quyền kháng cáo**: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Nguyễn Kim H.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Kim H và anh Nguyễn Quang T được ly hôn.

2. *Về con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 16/3/2019 cho chị Nguyễn Kim H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2 Anh Nguyễn Quang T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Kim H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0008175 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Nguyễn Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quang T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất;
(GCNKH số 73/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Châu Ngọc Hà